

## BÀI TẬP

### Bài 1: Lập bảng cân đối kế toán theo tài liệu sau (ĐVT: 1.000 đồng)

Tên TK	TK	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có
Tiền mặt	111	1.524.600	-	1.155.000	-
Tiền gửi Ngân hàng	112	7.992.600	-	6.055.000	-
Tiền đang chuyển	113	602.448	-	456.400	-
Chứng khoán kinh doanh	121	4.620.000	-	3.500.000	-
TG có kỳ hạn 2 tháng	1281	831.600	-	630.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 10 tháng	1281	2.772.000	-	2.100.000	-
Trái phiếu	1282	4.620.000	-	3.500.000	-
Cho vay	1283	2.310.000	-	1.750.000	-
Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	1288	3.696.000	-	2.800.000	-
Phải thu của khách hàng	131	4.804.800	1.386.000	3.640.000	1.050.000
Phải thu của khách hàng dài hạn	131	2.772.000	-	2.100.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	133	369.600	-	280.000	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	1361	554.400	-	420.000	-
Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá	1362	231.000	-	175.000	-
Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá	1363	46.200	-	35.000	-
Phải thu nội bộ khác	1368	73.920	-	56.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	1381	23.100	-	17.500	-
Phải thu về cổ phần hoá	1385	2.772.000	-	2.100.000	-
Phải thu khác	1388	36.960	-	28.000	-
Tạm ứng	141	569.184	-	431.200	-
Hàng mua đang đi đường	151	388.080	-	294.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	152	5.728.800	-	4.340.000	-
Công cụ, dụng cụ	153	600.600	-	455.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		-		-

		1.293.600		980.000	
Thành phẩm nhập kho	1551	5.728.800	-	4.340.000	-
Thành phẩm bất động sản	1557	13.860.000	-	10.500.000	-
Giá mua hàng hóa	1561	7.392.000	-	5.600.000	-
Chi phí thu mua hàng hóa	1562	369.600	-	280.000	-
Hàng hóa bất động sản	1567	11.088.000	-	8.400.000	-
Hàng gửi đi bán	157	3.234.000	-	2.450.000	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	2111	5.544.000	-	4.200.000	-
Máy móc, thiết bị	2112	2.310.000	-	1.750.000	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2113	1.848.000	-	1.400.000	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2114	462.000	-	350.000	-
Tài sản cố định thuê tài chính	212	6.006.000	-	4.550.000	-
Tài sản cố định vô hình	213	11.088.000	-	8.400.000	-
Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141	-	3.252.480	-	2.464.000
Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	2142	-	406.560	-	308.000
Hao mòn TSCĐ vô hình	2143	-	2.310.000	-	1.750.000
Hao mòn bất động sản đầu tư	2147	-	351.120	-	266.000
Bất động sản đầu tư	217	14.322.000	-	10.850.000	-
Đầu tư vào công ty con	221	18.480.000	-	14.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	222	19.424.328	-	14.715.400	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2281	8.668.000	-	4.900.000	-
Đầu tư khác	2288	1.848.000	-	1.400.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2291	-	110.880	-	84.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	2292	-	2.772.000	-	2.100.000
Dự phòng phải thu khó đòi	2293	-	711.480	-	539.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2294	-	1.201.200	-	910.000
Xây dựng cơ bản dở dang	241	3.326.400	-	2.520.000	-

Chi phí trả trước ngắn hạn	242	55.440	-	42.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	242	277.200	-	210.000	-
Ký quỹ đấu thầu	244	184.800	-	140.000	-
Ký quỹ thực hiện hợp đồng 5 năm	244	924.000	-	700.000	-
Phải trả cho người bán	331	1.108.800	6.336.000	840.000	4.800.000
Phải trả cho người bán dài hạn	331	-	4.620.000	-	3.500.000
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3331	-	41.580	-	31.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	46.200	-	35.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	3335	-	50.688	-	38.400
Phải trả người lao động	334	-	739.200	-	560.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	335	-	55.440	-	42.000
Chi phí phải trả dài hạn	335	-	462.000	-	350.000
Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	337	-	665.280	-	504.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	3381	-	60.060	-	45.500
Kinh phí công đoàn	3382	-	46.200	-	35.000
Bảo hiểm xã hội	3383	-	480.480	-	364.000
Bảo hiểm y tế	3384	-	78.540	-	59.500
Bảo hiểm thất nghiệp	3386	-	29.568	-	22.400
Doanh thu chưa thực hiện	3387	-	1.201.200	-	910.000
Các khoản đi vay	3411	-	15.708.000	-	11.900.000
Nợ thuê tài chính	3412	-	12.012.000	-	9.100.000
Nhận ký quỹ, ký cược	344	-	646.800	-	490.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	344	-	1.848.000	-	1.400.000
Dự phòng phải trả	352	-	462.000	-	350.000
Quỹ khen thưởng	3531	-	656.040	-	497.000
Quỹ phúc lợi	3532	-	554.400	-	420.000
Quỹ thưởng ban QL điều hành công ty	3534	-	369.600	-	280.000

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	356	-	1.386.000	-	1.050.000
Vốn góp của chủ sở hữu	4111	-	94.600.000	-	70.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4112	-	2.402.400	-	1.820.000
Vốn khác	4118	-	3.696.000	-	2.800.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412	-	3.095.400	-	2.345.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413	170.940	-	129.500	-
Quỹ đầu tư phát triển	414	-	6.468.000	-	4.900.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	417	-	1.313.004	-	994.700
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	-	1.386.000	-	1.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211	-	813.120	-	616.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	-	1.127.280	-	854.000
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	441	-	11.088.000	-	8.400.000
			<b>187.000.000</b>	<b>187.000.000</b>	<b>140.000.000</b>
				<b>140.000.000</b>	<b>140.000.000</b>

## **Bài 2**

Tại một doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có các tài liệu sau (đơn vị 1.000 đ):

### I. Số dư ngày 31/12/2016

TK1561: 3.000.000 (2.000SP x 1.500/SP)

### II. Trong quý I năm 2017 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

- Mua hàng hóa nhập kho, số lượng 3.000 SP, đơn giá mua bao gồm thuế GTGT là 1.760/SP. Thuế suất thuế GTGT 10%. Đã thanh toán cho nhà cung cấp bằng TGNH 70%
- Xuất kho hàng hóa bán trực tiếp cho khách hàng, số lượng bán 2000 SP, đơn giá bán bao gồm thuế GTGT: 2.310/SP, thuế suất thuế GTGT: 10%, khách hàng đã thanh toán bằng TGNH 40%.
- Tính ra tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng: 40.000, nhân viên quản lý doanh nghiệp: 20.000.
- Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định
- Khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng: 20.000, bộ phận quản lý doanh nghiệp: 12.000.
- Các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ bộ phận bán hàng: 15.000, bộ phận quản lý doanh nghiệp: 10.000, chưa bao gồm thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng TGNH.
- Xuất kho hàng hóa bán trực tiếp cho khách hàng, số lượng bán 3000 SP, đơn giá bán chưa thuế GTGT: 2.200/SP, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán 50% bằng tiền gửi Ngân hàng.
- Chi phí vận chuyển hàng đi bán theo hóa đơn chưa thuế 15.400, thuế GTGT 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.
- Chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng 4% của lô hàng bán ở nghiệp vụ 7 trừ vào số nợ phải thu của khách hàng
- Khách hàng trả lại 200 SP (nghiệp vụ 2) do không đúng qui cách, DN đã nhập kho số SP này và trừ vào số nợ phải thu của khách hàng

11. Chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng 3% trên số tiền DN đã thu của nghiệp vụ 2, Doanh nghiệp đã chi bằng tiền mặt
12. Bán 1 số chứng khoán ngắn hạn với giá gốc 180.000, giá bán 195.000 đã thu bằng TGNH
13. Thanh lý 1 TSCĐ có nguyên giá 80.000, đã khấu hao 72.000. Số thu do thanh lý 15.400 bao gồm thuế GTGT 10%, DN đã thu bằng tiền mặt.

Yêu cầu:

Lập báo cáo kết quả kinh doanh, cột “quý này”

Biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%, hàng hóa xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cố định.

▪ **Bài 2A:**

Năm N, DN có số liệu kế toán sau: (Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm
1. Doanh thu bán hàng thuần	100	150	250	200	700
2. Giá vốn hàng bán	80	120	200	170	570
3. Lãi gộp	?	?	?	?	?
4. Doanh thu tài chính	60	30	70	60	220
5. Chi phí tài chính	20	10	30	10	70
6. Chi phí bán hàng	30	35	40	52	157
7. Chi phí quản lý DN	20	25	30	23	98
8. Lợi nhuận hoạt động KD	?	?	?	?	?
9. Thu nhập khác	10	20	10	35	75
10. Chi phí khác	0	25	25	10	60
11. Lợi nhuận HĐ khác	?	?	?	?	?
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	?	?	?	?	?
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	?	?	?	?	?
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	?	?	?	?	?
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	?	?	?	?	?

▪ Tài liệu bổ sung cho số liệu ở bảng trên:

- + Quý 1: Tiền đồng phục năm N cho 50 nhân viên chi bằng tiền: 7.
- + Quý 2: Bị phạt do vi phạm hợp đồng 15 có chứng từ hợp pháp, một số chi phí chứng từ **không hợp lệ đã tính vào chi phí khác là 5.**
- + Quý 3: Thu nhập tài chính từ hoạt động liên doanh đã tính thuế TNDN tại nguồn là 50.
- + Quý 4: **Chi phí tiếp khách 15 và chi phí quảng cáo 45 không có hóa đơn chứng từ.** Thu nhập tài chính từ hoạt động nghiên cứu khoa học 20.

Yêu cầu: Hãy tính thuế thu nhập tạm nộp từng quý và quyết toán thuế TNDN cuối năm. Hạch toán kế toán và hoàn thành bảng số liệu trên. Biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%.

### Bài 3:

Công ty TNHH Thương mại Bình Lâm chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu như sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Tài khoản 153	3.000.000đ
- Tài khoản 156	101.000.000đ
+ Tài khoản 1561 ( 5.000 sản phẩm)	100.000.000đ
+ Tài khoản 1562	1.000.000đ

Tài liệu 2 : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ :

1. Nhập kho 10.000 hàng hóa, đơn giá mua 22.000đ/ hàng hóa, gồm 10 % thuế GTGT chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển bốc dỡ là 2.000.000đ, thuế GTGT 10 % thanh toán bằng tiền mặt.

2. Bộ phận kinh doanh báo hỏng một công cụ thuộc loại phân bổ 3 kỳ, biết rằng công cụ dụng cụ có trị giá xuất kho 6.000.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 500.000đ. **Công cụ đã phân bổ 2 lần**

3. Tiền lương phải trả cho nhân viên bộ phận kinh doanh là 30.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000đ

4. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương.

5. Mua một tài sản cố định bộ phận kinh doanh có giá mua 517.000.000đ, gồm 10 % thuế GTGT chưa thanh toán. Biết rằng tài sản cố định có thời gian sử dụng hữu ích là 120 kỳ. Chi phí lắp đặt, chạy thử được kế toán tập hợp như sau :

a) Xuất kho công cụ dụng cụ dùng cho việc lắp đặt 3.000.000 đồng

b) Chi phí thuê chuyên gia thanh toán bằng chuyển khoản là 5.000.000 đồng

c) Chi phí dịch vụ mua ngoài thanh toán bằng tạm ứng là 2.000.000 đồng

6. Trích khấu hao tài sản cố định trong kỳ, biết rằng mức khấu hao kỳ trước của bộ phận kinh doanh là 6.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 5.000.000 đồng.

7. Công ty chi phạt chi phạm chế độ kế toán thống kê là 10.000.000 đồng bằng tiền mặt.

8. Nhận trước tiền thuê cơ sở hạ tầng trong kỳ 200.000.000 đồng bằng chuyển khoản.

9. Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán 15.400.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT phân bổ cho bộ phận kinh doanh là 8.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 6.000.000 đồng.

10. Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ là 12.000.000 đồng, thuế GTGT 10% thanh toán bằng tạm ứng, phân bổ cho bộ phận kinh doanh là 7.000.000 đồng.

11. Xuất kho 12.000 sản phẩm cho công ty TNHH Thanh Bình, đơn giá bán 30.800đồng/sản phẩm, gồm 10% thuế GTGT khách hàng chưa thanh toán. Nếu khách hàng thanh toán trong vòng 10 ngày thì được hưởng chiết khấu thanh toán là 0,5% trên giá bán chưa thuế.

**12. Công ty TNHH Thanh Bình thanh toán cho DN bằng TGNH trong vòng 10 ngày đầu.**

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định thu nhập kế toán trong kỳ. Biết rằng chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra được phân bổ theo tiêu chuẩn số lượng.

### Bài 4

Tại Công ty TNHH thương mại Vĩnh Bình kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất GTGT khấu trừ 10% cho hàng, dịch vụ mua và bán. Khấu hao tài sản cố định tháng trước cho bộ phận bán hàng 1.400.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đồng. Trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh:

1. Trong kinh doanh báo hỏng tủ đựng hồ sơ giá ban đầu 8.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 4 kỳ, đã phân bổ 6.000.000 đồng, phế liệu nhập kho ước tính 1.000.000 đồng. Mua tủ mới cho phòng kinh doanh giá chưa thuế 12.000.000 đồng chưa trả tiền, phân bổ 4 kỳ, thanh toán bằng tiền mặt.

2. Mua tài sản cố định hữu hình giá mua chưa thuế 100.000.000 đồng, chi phí chạy thử 1.500.000 đồng. Tất cả trả bằng tiền gửi ngân hàng lấy từ quỹ đầu tư phát triển, thời gian sử dụng 10 năm phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp. Thanh lý tài sản cố định ở bộ phận quản lý doanh nghiệp nguyên giá 50.000.000 đồng, đã hao mòn 48.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 8% năm. Phế liệu bán thu hồi bằng tiền mặt 1.000.000 đồng.

3. Xuất bao bì phục vụ bán hàng trị giá 2.000.000

4. Xuất hàng bán trả góp, giá bán thông thường chưa thuế 40.000.000 đồng, trả góp 46.000.000 đồng thu ngày 20% bằng tiền mặt, số còn lại trả góp trong năm, giá xuất kho 36.000.000 đồng.

5. Chi tiền mặt 1.000.000 đồng cho chi phí bán hàng và nộp phạt vi phạm Hợp đồng 1.500.000 đồng.

6. Nhận giấy báo Nợ ngân hàng trả tiền hàng giá mua chưa thuế 75.000.000 đồng, hàng chưa về nhập kho. Nhập lại kho một số bao bì giá trị xuất dùng ban đầu 6.000.000 đồng, đã sử dụng 1.200.000 đồng.

7. Mua hàng của doanh nghiệp sản xuất giá chưa thuế 80.000.000 đồng, chở thẳng bán cho HTX giá chưa thuế 90.000.000 đồng. Tiền mua và bán chưa thanh toán. Chi phí vận chuyển phải trả theo hóa đơn bao gồm thuế là 2.200.000 đồng.

8. Hàng gửi bán tháng trước giá xuất kho 160.000.000 đồng, giá bán chưa thuế 180.000.000 đồng, nay đã bán được chưa thu tiền. Mua hàng nông sản nhập kho trực tiếp từ nông dân đã trả bằng tiền mặt 200.000.000, hàng không có hóa đơn nên doanh nghiệp tiến hành lập bảng kê.

9. Chi phí phát sinh cuối tháng: Phải trả lương nhân viên bán hàng 8.000.000 đồng, nhân viên quản lý doanh nghiệp là 6.000.000 đồng. Trích các khoản theo lương đúng chế độ. Khấu hao tài sản cố định theo quy định. Hóa đơn điện, nước, điện thoại theo giá chưa thuế 6.000.000 đồng, thuế suất 10%.

**Yêu cầu:** Định khoản các nghiệp vụ kinh tế. Khấu trừ thuế GTGT cuối kỳ. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ và lập báo cáo xác định kết quả kinh doanh.

## Bài 5

Công ty TNHH thương mại và đầu tư Minh Quang, hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để kê toán hàng tồn kho, xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, khấu hao theo phương pháp đường thẳng, có các tài liệu liên quan được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau:

**Tài liệu 1 :** Số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

-Tài khoản 153 (100 đơn vị)	15.000.000 đồng
-Tài khoản 156 :	2.800.000.000 đồng
+Tài khoản 1561 (25.000 sản phẩm)	2.500.000.000 đồng
+Tài khoản 1562	50.000.000 đồng
+Tài khoản 1567	250.000.000 đồng
-Tài khoản 157 (5.000 sản phẩm)	500.000.000 đồng

**Tài liệu 2:** Trong kỳ có các nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. Công ty mua quyền sử dụng đất, thuộc loại quyền sử dụng đất không có thời hạn, với mục đích nắm giữ trong thời gian dài để chờ tăng giá. Công ty đã thanh toán cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng là 48.000.000.000 đồng. Công ty đã xuất quỹ tiền mặt nộp lệ phí trước bạ 1% trên giá trị thanh toán.

2. Công ty TNHH Gia Minh thông báo đã chấp nhận lô hàng 5.000 sản phẩm gửi đi từ kỳ trước, đơn giá bán là 132.000 đồng/sản phẩm, gồm 10% thuế GTGT, thanh toán bằng chuyển khoản.

3. Xuất bán trực tiếp cho công ty TNHH Bình Minh 8.000 sản phẩm với giá bán đã gồm 10% thuế GTGT là 132.000 đồng/sản phẩm, khách hàng chưa thanh toán. Hai ngày sau, khách hàng đã chuyển khoản thanh toán toàn bộ giá trị của lô hàng.

4. Nhập kho 20.000 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm, gồm thuế 10% thuế GTGT, chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển bốc dỡ là 44.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT

thanh toán bằng tiền mặt. Công ty đã chuyển khoản thanh toán trong thời hạn được hưởng chiết khấu là 1% trên giá thanh toán.

5. Xuất bán trả chậm cho công ty TNHH Gia Hân 20.000 sản phẩm với giá bán trả ngay chưa gồm 10% thuế GTGT là 140.000 đồng/sản phẩm và giá bán trả góp đã gồm thuế GTGT là 156.000 đồng/sản phẩm. Khách hàng sẽ thanh toán cho công ty trong vòng 20 kỳ, bắt đầu từ kỳ này bằng chuyển khoản.

6. Tiền lương phải trả cho nhân viên ở bộ phận bán hàng là 600.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 400.000.000 đồng. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ quy định là 23,5% tính vào chi phí có liên quan, kể cả phần trừ lương là 10,5%.

7. Xuất kho 10.000 sản phẩm cho công ty TNHH Chánh Trung với giá bán chưa gồm 10% thuế GTGT là 115.000 đồng/sản phẩm để nhận về một tài sản cố định hữu hình có giá bán chưa gồm 10% thuế GTGT là 1.000.000.000 đồng. Công ty nhận lại khoản chênh lệch bằng tiền gửi ngân hàng.

8. Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng 60.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 40.000.000 đồng.

9. Xuất kho 100 đơn vị công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận kinh doanh, biết rằng công cụ dụng cụ này được sử dụng trong 5 kỳ. Chi phí vi phạm hợp đồng bằng tiền mặt là 12.000.000 đồng.

10. Xuất bán trực tiếp cho công ty TNHH Nam Hà 6.000 sản phẩm với giá bán là 120.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán. **Thời hạn được hưởng chiết khấu là 1% trên giá thanh toán nếu thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày xuất hàng.** Một tuần sau, công ty TNHH Nam Hà đã chuyển khoản thanh toán cho công ty.

11. Công ty mua một căn hộ chung cư để bán trong kỳ. Căn hộ chung cư có giá 250.000.000 đồng, thuế GTGT 10%. Thủ tục phí ngân hàng là 10.000.000 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán tiền mua căn hộ chung cư và thủ tục phí ngân hàng bằng chuyển khoản. Công ty thanh toán tiền trang trí nội thất căn hộ chung cư bằng tiền mặt 21.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.

12. Chi phí tiện ích phát sinh chưa thanh toán cho người cung cấp gồm 10% thuế GTGT là 52.800.000 đồng, phân bổ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ 3:1. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ 20.000.000 đồng, công ty đã nộp thuế bằng tiền gửi ngân hàng.

Yêu cầu:

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Phân bổ chi phí mua hàng. Biết rằng chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra theo tiêu thức số lượng sản phẩm tiêu thụ.
3. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ và lập báo cáo xác định kết quả kinh doanh.

## **Bài 6**

Tại công ty TNHH thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu Tân Giang hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giả sử công ty được phép sử dụng ngoại tệ, có các số liệu sau liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau:

**Tài liệu 1** : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

-Tài khoản 1122 (120.000 USD)	2.400.000.000 đồng
-Tài khoản 156	73.000.000 đồng
+Tài khoản 1561 (200 sản phẩm)	72.000.000 đồng
+Tài khoản 1562	1.000.000 đồng
-Tài khoản 331 Samex (10.000 USD)	199.000.000 đồng

Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Tài liệu 2** : Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Chuyển khoản thanh toán cho công ty Samex 10.000 USD trả nợ kỳ trước, tỷ giá giao dịch là 20.050 đồng/USD.

2. Chuyển khoản ngoại tệ 100.000 USD ký quỹ mở L/C, tỷ giá giao dịch 20.100 đồng/USD.

3. Nhập khẩu một lô hàng gồm 10.000 sản phẩm, trị giá ghi nhận trên đơn thương mại do bên bán cấp là 100.000 USD, thuế nhập khẩu 20%, thuế TTĐB của hàng nhập khẩu 50%, thuế GTGT của

hàng nhập khẩu 10%. Giá tính thuế của hàng nhập khẩu là giá trên hợp đồng thương mại, tỷ giá giao dịch là 20.000 đồng/USD.

4. Chi phí nâng hạ, bốc dỡ, kiểm đếm là 34.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, lệ phí hải quan là 16.000.000 đồng, tất cả thanh toán bằng tiền mặt.

5. Nhận được chứng từ do ngân hàng báo đã thanh toán cho bên bán 100.000 USD tiền hàng theo thư tín dụng, tỷ giá 20.150 đồng/USD. Nộp các khoản thuế phát sinh liên quan đến lô hàng nhập khẩu vào kho bạc Nhà nước qua ngân hàng.

6. Xuất kho 5.000 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán 600.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10% khách hàng chưa thanh toán. Nếu khách hàng thanh toán trong vòng 10 ngày thì sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là 0,5% trên giá thanh toán.

7. Xuất kho 4.000 sản phẩm gửi đi bán, đơn giá gồm 10% thuế GTGT là 671.000 đồng/sản phẩm.

8. Một tuần sau, khách hàng đã chuyển khoản thanh toán lô hàng 5.000 sản phẩm sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng.

9. Hàng gửi đi bán đã xác định tiêu thụ là 2.000 sản phẩm, khách hàng đã thanh toán cho công ty bằng chuyển khoản.

**Yêu cầu:** Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Biết rằng công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho và kế toán ngoại tệ theo phương pháp nhập trước xuất trước. Chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra theo số lượng sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Chi phí bán hàng tính vào trong kỳ là 840.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 760.000.000 đồng.

### **Bài 7:**

Có tình hình thu chi tiền của công ty BB như sau (đơn vị: triệu đồng). Giả sử công ty BB không có các khoản tương đương tiền.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>3.000</b>
<b>Thu trong kỳ</b>	
Thu từ bán hàng	15.000
Thu từ nhượng bán TSCĐ	300
Thu do đi vay	6.000
Thu do phát hành cổ phiếu	4.000
Thu do bán lại cổ phần trong công ty K	2.000
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	200
Thu lãi được chia từ các khoản đầu tư	300
Thu do được bồi thường	200
<b>Tổng cộng thu</b>	<b>28.000</b>
<b>Chi trong kỳ</b>	
Chi trả nợ nhà cung cấp hàng hoá và dịch vụ	3.000
Chi trả nợ vay	4.000
Chi trả lãi vay	1.000
Chi đầu tư vào công ty L	7.000
Chi mua tài sản cố định	4.000
Chi trả lương công nhân viên	2.000
Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	500
Chi phân phối lợi nhuận	3.500
Chi trả nợ cho nhà cung cấp thiết bị	2.000
<b>Cộng chi trong kỳ</b>	<b>27.000</b>

<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4.000</b>
---------------------	--------------

Hãy lập BCLCTT theo phương pháp trực tiếp

**Bài 8:**

Trích tài liệu kế toán tại Công Ty TNHH Thương mại Bảo An năm 2017 như sau (ĐVT: 1.000đ)

1. Tài liệu về doanh thu , thu nhập như sau:

- Doanh thu từ hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa bao gồm thuế GTGT 10% là 3.850.000, trong đó:

+ Thu bằng tiền mặt: 950.000

+ Thu bằng tiền gửi Ngân hàng: 1.200.000

+ Số còn lại khách hàng chưa thanh toán

- Lãi tiền gửi Ngân hàng theo giấy báo Có của Ngân hàng : 15.200

- Thu do bán phế liệu thu bằng tiền gửi Ngân hàng: 8.800

2. Tài liệu về chi phí :

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ: 2.500.000

- Chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng trên doanh thu bán sản phẩm hàng hóa chưa thuế là 2%

- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng 1% trên doanh số bán sản phẩm, hàng hóa đã thu bằng tiền.

- Lãi vay Ngân hàng 1,5%/tháng trên số tiền vay 300.000 (vay 6 tháng).

- Trả tiền bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế bằng tiền gửi Ngân hàng: 5.000

- Các khoản chi phí hợp lý khác tập hợp theo bảng sau:

<b>Kh khoản mục chi phí</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Phân bổ cho BPBH</b>
Tiền lương	400.000	160.000
BH, KP	92.000	36.800
Khấu hao	50.000	15.000
Trang phục	90.000	36.000
Điện nước	36.000	18.000
Điện thoại	24.000	14.400
Ăn giữa ca	60.000	14.000
Thuế môn bài	3.000	-

Yêu cầu:

1. Xác định thu nhập chịu thuế TNDN, thuế TNDN phải nộp

2. Thực hiện các bút toán kết chuyển kết quả kinh doanh 2017

3. Giả sử rằng khấu hao TSCĐ theo thuế TH1 là 40.000; TH2 là 65.000. Xác định LN sau thuế trong 2 TH trên

**Bài 9:**

Trích tài liệu kế toán chưa kết chuyển vào thời điểm cuối năm N tại công ty Phương Hoàng như sau (ĐVT: 1.000đ)

	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Số phát sinh Có TK511 : 600.000		300.000
Số phát sinh Nợ TK5211: 18.000		5.000
Số phát sinh Nợ TK5212: 20.000		4.000
Số phát sinh Nợ TK5213: 22.000		1.000
Số phát sinh Có TK515 : 50.000		10.000
Số phát sinh Có TK711 : 80.000		14.000
Số phát sinh Có TK632 : 15.000		2.000
Số phát sinh Nợ TK632 : 510.000		202.000
Số phát sinh Nợ TK635 : 30.000		8.000
Số phát sinh Nợ TK641 : 60.000		25.000
Số phát sinh Nợ TK642 : 80.000		35.000
Số phát sinh Nợ TK811 : 15.000		22.000

**Yêu cầu:**

- Thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ 2016,2017
- Xác định kết quả kinh doanh, thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế TNDN .  
+ Biết thuế suất thuế TNDN 20%  
+ Lỗ 2016 (nếu có) được chuyển 2017 khi xác định LN tính thuế 2017
- Giả sử trong chi phí khác 2017 có 2.000 là tiền nộp phạt vi phạm về thuế. Xác định lại thuế TNDN phải nộp và LN sau thuế TNDN 2017.

**Bài 10**

Giả sử có tài liệu tổng hợp năm 2017 liên quan đến tài khoản vốn bằng tiền của doanh nghiệp XYZ như sau: (Đơn vị tính 1.000đ)

	<b>111</b>				<b>112</b>		
	<u>100.000</u>	49.000	(133)		<u>500.000</u>	20.000	(331)
		345.000	(152)			50.000	(141)
(3331)	80.000	600.000	(156)	(131)	600.000	30.000	(244)
(411)	1.200.000	400.000	(211)	(341)	1.360.000	900.000	(341)
(511)	800.000	75.000	(3331)	(3331)	70.000	45.000	(635)
(244)	10.000	30.000	(3334)	(511)	700.000	8.000	(1331)
		200.000	(121)	(515)	3.500	200.000	(334)
		45.000	(627)	(711)	40.000	60.000	(421)
		40.000	(641)			45.000	(344)
		80.000	(642)			50.000	(641)
						65.000	(642)
	<u>2.090.000</u>	<u>1.864.000</u>			<u>2.773.500</u>	<u>1.473.000</u>	
	<u>326.000</u>				<u>1.800.500</u>		

Biết rằng: Khoản thu khác về tiền bồi thường chiếm 15% khoản thu nhập khác (TK711), thu lãi NH (TK515)

Yêu cầu: Lập lưu chuyển tiền thuần của hoạt động kinh doanh trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp năm 2017 của công ty XYZ

### **Bài 11:**

Công ty VÂN AN có năm tài chính đầu tiên từ ngày 1/1/2015 đến ngày 31/12/2015

- Trong năm 2016, Công ty Hoa Lan phát hiện thấy một số thành phẩm trị giá 30.000.000đ đã bán trong năm 2015 nhưng vẫn được theo dõi trên sổ kế toán TK 155 (chưa ghi xuất kho để bán) và được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2015.

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2015 là 15.000.000đ; Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2015 là 63.000.000đ (15.000.000đ + 48.000.000đ); Giả sử thuế suất thuế TNDN là 20%; Công ty không có các khoản thu nhập và chi phí nào khác

*Đây là sai sót trọng yếu, DN đã điều chỉnh sai sót*

Công ty Vân An có số liệu báo cáo tài chính chưa điều chỉnh sai sót của các năm như sau

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động KD</b>		
Doanh thu bán hàng và CCDV	300.000.000	200.000.000
Giá vốn hàng bán	250.000.000	140.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.000.000	60.000.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.000.000	12.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.000.000	48.000.000
<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Hàng tồn kho	210.000.000	180.000.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	25.000.000	26.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	76.000.000	63.000.000

### **Yêu cầu:**

Phân tích ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót và lập bảng tóm tắt BCKQKD, CĐKT sau điều chỉnh và trình bày các thay đổi trên thuyết minh BCTC

### **Bài 12**

*Tại công ty thương mại Suối Tiên, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tính giá hàng tồn kho theo giá FIFO, số dư trên các tài khoản vào ngày 30/11/200X: (ĐVT 1000 đồng)*

- TK 111: 442.000

- TK 112: 600.000 chi tiết:

NHNT TPHCM: 300.000 (1121NTTP: Tiền VN gửi tại NH NTTP)

NHNT Bình Tây: 300.000 (1121NTBT: Tiền VN gửi tại NH NTBT)

- TK 131: 180.000 chi tiết:

Khách hàng A 110.000 (131A: phải thu khách hàng A)

Khách hàng B: 40.000 (131B)

Khách hàng C: 30.000 (131C)

- TK 133: 10.000, chi tiết:

1331: 10.000

- TK141: 7.000 chi tiết:

Ông Hai 2.000 (141OHAI: Tạm ứng cho ông Hai)

Cô Ba 5.000 (141CBA)

- TK 152: 1.500 chi tiết:

500 lít dầu hoả, đơn giá 3/lít (152DH: Nhiên liệu dầu hoả)

- TK 2294: 2.000

- TK 153: 6000 , chi tiết:

2 cây quạt nước : 5.000 (1531QN: Công cụ dụng cụ quạt nước)

10 cây quạt máy: 1.000 (1531QM)

- TK 156: 62.100 chi tiết;

SP A: 100sp x 95/ sp (1561A: Giá mua hàng hoá A)

SP B: 50 sp x 880/ sp (1561B)

SP C: 20 x 430/ sp (1561C)

- TK 211: 800.000, chi tiết

2111: 400.000

2113: 400.000

- TK 222: 300.000 chi tiết

Công ty G: 200.000 (222G: GVLD với công ty G)

Công ty H: 100.000 (222H)

- TK 214: 300.000, chi tiết

2141: 300.000

- TK 341: 100.000 (ngắn hạn) chi tiết:
  - NHNT TPHCM: 60.000 (341NTTP: Vay ngắn hạn NH NTTP)
  - NHNT Bình Tây: 40.000 (341NTBT)
- TK 331: 160.000, chi tiết:
  - KH J: 40.000 (331J: Phải trả người bán J)
  - KH I: 80.000 (331I)
  - KH K: 40.000 (331K)
- TK 334: 150.000
- TK 338: 7.000 chi tiết
  - Công ty R: 7.000 (3388R: Phải trả công ty R)
- TK 341: 150.000, chi tiết:
  - Ngân hàng NTTP: 150.000 (341NTTP: Vay dài hạn NH NTTP)
- TK 411: 843.000
- TK 414: 300.000
- TK 421: 200.000
- TK 353: 80.000 chi tiết
  - 3531 (Quỹ khen thưởng): 50.000
  - 3532 (Quỹ phúc lợi): 30.000
- TK 441: 116.600
- ***Trong tháng 12/ 200X có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:***

**Ngày 1-**

- 1- Nhận được giấy báo có số 389241 của ngân hàng ngoại thương TP. Hồ Chí Minh về số tiền khách hàng A thanh toán tiền mua hàng 50.000 (theo hoá đơn 005671 ngày 12/10/0X-1)
- 2- Mua 500 hàng hóa A về nhập kho chưa trả tiền cho người bán I. Giá mua chưa thuế VAT là 100/ sp. Biên bản kiểm nghiệm kiêm phiếu nhập kho số 223; Hoá đơn GTGT số 068459.
- 3- Chi tiền mặt tạm ứng cho ông Hai 10.000 theo phiếu chi số 857 và phiếu tạm ứng số 235.
- 4- Xuất kho 2 cây quạt nước loại phân bổ 2 lần cho phòng kế toán tổng trị giá 5.000. Phiếu xuất kho số 143.

**Ngày 2-**

- 5- Nhận được giấy báo nợ số 346975 của ngân hàng ngoại thương Bình Tây về số tiền chuyển trả tiền mua hàng cho người bán J 20.000 (theo hóa đơn GTGT 021352, ngày 10/10/0X)
- 6- Mua 1000 lít dầu hỏa về nhập kho để chạy xe. Giá mua chưa thuế VAT là 3.200 đã thanh toán bằng tiền mặt. Biên bản kiểm nghiệm kiêm phiếu nhập kho số 224, phiếu chi số 858; hóa đơn GTGT số 017120.

- 7- Chi tiền mặt tạm ứng cho cô Ba 16.500 theo phiếu chi số 859 và phiếu tạm ứng 236.
- 8- Nhận góp vốn tham gia liên doanh của công ty I theo HĐLD số 053 bằng tiền mặt là 100.000, PT số 432

**Ngày 3-**

- 9- Xuất kho 300 hàng hóa A bán cho khách hàng Y chưa thu tiền, giá bán chưa thuế VAT là 150/sp. Thời hạn và chiết khấu thanh toán (2/10, n/30). Phiếu xuất kho số 144, Hoá đơn GTGT số 072351.
- 10- Nhận giấy báo có số 235471 của ngân hàng ngoại thương Bình Tây về số tiền khách hàng Y chuyển trả tiền mua hàng (theo hóa đơn GTGT 072351 ngày 03/12/0X).
- 11- Xuất 100 lít dầu để chạy xe ở bộ phận bán hàng theo phiếu xuất kho 145.

**Ngày 4-**

- 12- Xuất quỹ tiền mặt 5.250 trả tiền quảng cáo sản phẩm (giá bao gồm cả thuế VAT 5%) theo phiếu chi 860 và Hoá đơn GTGT 047215
- 13- Cô Ba thanh toán tiền tạm ứng kèm theo các chứng từ gốc tiền tàu, xe , khách sạn, máy bay cho chuyến công tác ở Hà Nội là 16.500 (giá bao gồm thuế VAT). Hoá đơn GTGT 019615; phiếu thanh toán tạm ứng số 310.
- 14- Nhập quỹ tiền mặt số tiền chia lãi góp vốn liên doanh dài hạn từ công ty G là 20.000, PT 433.

**Ngày 5-**

- 15- Tạm ứng tiền mua hàng cho ông Hai 99.000 theo phiếu chi số 861 và phiếu tạm ứng 237.

**Ngày 6-**

- 16- Thanh toán tiền sửa chữa ô tô dùng riêng cho ban giám đốc chưa thuế VAT là 10.000. Phiếu chi số 863 và Hoá đơn GTGT 001701.
- 17- Ông Hai thanh toán tiền tạm ứng bằng hóa đơn giá trị gia tăng số 009645 của lô hàng đã mua gồm 100 sp B có giá mua chưa thuế VAT là 900/ sp; Biên bản kiểm nghiệm kèm phiếu nhập kho số 225.; phiếu thanh toán tạm ứng số 311.
- 18- Vay ngắn hạn NHNT TP. Hồ Chí Minh theo khế ước vay số 001179 là 100.000 đã nhập quỹ, phiếu thu số 433.
- 19- Mua 10 bộ bàn ghế nhập kho chờ chuyển giao cho các phòng ban giá mua chưa thuế là 4.000/bộ, đã thanh toán bằng tiền mặt. Biên bản kiểm nghiệm kèm phiếu nhập kho số 226; Hoá đơn GTGT số 001725; phiếu chi số 864.

**Ngày 8-**

- 20- Xuất 1 bộ bàn ghế cho phòng giám đốc theo phiếu xuất kho 148, kế toán quyết định phân bổ 4 lần.

21- Xuất quỹ tiền mặt theo phiếu chi số 866 trả tiền sửa chữa 1 con đội xe của bộ phận bán hàng là 200, biên nhận số 0698, bảng kê số 171.

**Ngày 9-**

22- Xuất 1 bộ bàn ghế cho bộ phận bán hàng theo phiếu xuất số 150, phân bổ 4 lần.

23- Mua 400 sp B theo Hoá đơn GTGT số 002989 từ khách hàng K chưa thanh toán tiền hàng. Giá mua chưa thuế VAT là 920/ sp. Biên bản kiểm nghiệm kiêm phiếu nhập kho số 227.

**Ngày 10-**

24- Xuất quỹ tiền mặt 200 để mua chổi, đồ dùng vệ sinh,... trang bị cho các phòng ban theo phiếu chi số 870. Bảng kê số 172.

25- Xuất quỹ tiền mặt 5.000 hỗ trợ phong trào xây nhà tình thương của Thành phố theo phiếu chi số 872 và biên nhận số 0098.

26- Xuất kho 300 sp B gửi cho đại lý DL bán. Giá bán theo thỏa thuận trong hợp đồng là 1.400/sp, hoa hồng đại lý là 10% giá bán có thuế. HĐDL số 061, phiếu xuất hàng gửi đại lý số 070.

**Ngày 11-**

27- Nhập kho 1000 sp F mua của công ty J chưa thanh toán tiền. Giá mua chưa thuế VAT là 105/ sp. Biên bản kiểm nghiệm kiêm phiếu nhập kho số 228 và Hoá đơn GTGT 011235.

28- Thanh lý 1 xe chở hàng có nguyên giá là 100.000, hao mòn lũy kế 80.000 (Biên bản thanh lý số 015), giá thanh lý chưa thuế 10.000 đã thu bằng tiền mặt (phiếu thu số 434; hóa đơn GTGT số 072355 ). Chi phí vận chuyển tài sản này đến nơi thanh lý có giá chưa thuế VAT là 1000 (phiếu chi số 873, hóa đơn GTGT 001772).

**Ngày 12-**

29- Xuất kho 100 sp A bán cho công ty Đại Phong. Giá bán chưa thuế VAT là 140/ sp đã thu bằng tiền mặt. Phiếu xuất số 151, Hoá đơn GTGT số 072356; phiếu thu số 435.

30- Xuất quỹ tiền mặt mua giấy in cho văn phòng. Giá mua chưa thuế VAT là 1.000. Phiếu chi số 874, Hoá đơn GTGT số 009713.

**Ngày 13-**

31- Mua 5 máy in HP Laser Jet. Giá mua chưa thuế VAT là 4.800/ máy đã thanh toán bằng tiền mặt. Biên bản kiểm nghiệm kiêm phiếu nhập kho số 229; Hoá đơn GTGT số 007973 và phiếu chi số 875.

32- Nhận được giấy báo có của ngân hàng ngoại thương Bình Tây số 417315 về số tiền Đại lý DL chuyển trả theo biên bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi số 073. Đơn vị cũng đã nhận được hóa đơn GTGT số 001752 do đại lý DL phát hành ghi nhận hoa hồng chấp nhận cho đại lý. Đơn vị cũng đã xuất HĐ GTGT số 072363 để ghi nhận doanh thu bán hàng đại lý.

33- Xuất quỹ tiền mặt 11.000 mua bánh phục vụ Hội thảo khách hàng theo phiếu chi số 876, hóa đơn GTGT 017020.

**Ngày 15-**

34- Xuất quỹ tiền mặt theo phiếu chi số 878 mua 100 trái phiếu kho bạc nhà nước có mệnh giá là 1.000/ TP.

35- Xuất kho 200 sp B bán cho khách hàng Z. Giá bán chưa thuế VAT là 1.700/ sp, thời hạn thanh toán (2/10, n/30). Phiếu xuất 152 và Hoá đơn GTGT số 072357.

36- Mua 450 sp C nhập kho, còn nợ tiền khách hàng Q. Giá mua chưa thuế VAT là 400/ sp, thời hạn thanh toán (2/10, n/30). Biên bản kiểm nghiệm kèm phiếu nhập kho số 231; Hoá đơn GTGT 007853.

**Ngày 17-**

37- Tạm ứng lương đợt 1 cho cán bộ công nhân viên công ty bằng tiền mặt theo phiếu chi số 881, bảng tạm ứng lương số 09/02.

-BPQLDN: 60.000

- BPBH: 35.000

38- Ký hợp đồng bán 200 sp F cho khách hàng Z và nhập quỹ tiền mặt số tiền 15.000 phần ứng trước tiền mua hàng của khách hàng Z, phiếu thu số 436.

39- Nhận được giấy báo nợ của NHNT TPHCM số 417315 về số tiền thanh toán cho người bán Q theo hóa đơn GTGT số 007853.

**Ngày 18-**

40- Nhận được giấy báo có của NHNT Bình Tây số 423150 về số tiền khách hàng Z chuyển trả tiền mua hàng ở ngày 15 theo hóa đơn GTGT 072357.

41- Xuất kho 1 bộ bàn ghế cho phòng kinh doanh theo phiếu xuất 153, phân bổ 4 lần.

**Ngày 19-**

42- Khách hàng Z cho xe đến đơn vị chở 200 sp F theo hợp đồng đã ký ngày 17. Giá bán chưa thuế là 170/ sp; phiếu xuất 154; Hoá đơn GTGT 072358.

43- Xuất kho 100 sp C bán cho khách hàng M đã thu bằng tiền mặt. Giá bán chưa thuế VAT là 640/ sp. Phiếu xuất số 155; phiếu thu số 437; Hoá đơn GTGT số 072359.

**Ngày 20-**

44- Nhận được giấy báo có của NHNT Bình Tây số 422183 về số tiền công ty H chia lãi do góp vốn tham gia liên doanh là 15.000.

45- Khách hàng Z thông báo lô hàng mua ngày 19 (hóa đơn GTGT số 072358) có một số hàng không đúng quy cách như trong hợp đồng và công ty đã đồng ý giảm tiền bán hàng xuống 2.200; Công ty đã xuất hóa đơn số 072360 ghi nhận khoản giảm giá cho khách hàng Z.

46- Nhập quỹ tiền mặt 330 về số tiền bán tận thu 10 quạt bàn ở bộ phận bán hàng (đã phân bổ hết).  
Phiếu thu số 438, hóa đơn GTGT 072361.

**Ngày 22-**

47- Nhận giấy báo có số 422189 của NHNT Bình Tây về số tiền khách hàng Z thanh toán phần tiền còn lại của lô hàng mua ngày 19 (theo hóa đơn GTGT số 072358 và 072360)

48- Xuất kho 200 sp F bán cho khách hàng I theo phương thức nhận hàng. Giá bán chưa thuế VAT là 150/ sp. Phiếu xuất số 156 và Hoá đơn GTGT 072362.

**Ngày 23-**

49- Khách hàng I trả lại cho đơn vị 50 sp F (kèm theo hóa đơn GTGT số 012414) do không đúng quy định trong hợp đồng (Lô hàng mua ngày 22 theo hóa đơn GTGT 072362). Đơn vị đã nhập lại kho lô hàng trên theo BBKN kiêm PNK số 232.

**Ngày 24-**

50- Ký hợp đồng mua 400 sp B với người bán N. Giá mua chưa thuế VAT là 900/ sp. Đơn vị đã xuất quỹ tiền mặt ứng trước tiền mua hàng là 40.000 theo phiếu chi số 883.

**Ngày 25-**

51- Nhận được giấy báo có số 425017 của NHNT TPHCM về số tiền khách hàng I thanh toán tiền mua hàng ngày 22 theo hóa đơn GTGT số 072362 và 012314.

52- Xuất quỹ tiền mặt trả tiền sửa chữa máy Photocopie dùng chung cho toàn công ty (giá chưa thuế VAT là 500). Phiếu chi số 884 và Hoá đơn GTGT 002210.

53- Nhận giấy báo có số 422195 về số tiền NHNT Bình Tây về số tiền khách hàng W ứng trước tiền mua hàng 10.000 theo hợp đồng số 077.

**Ngày 31-**

54- Ghi nhận tiền lương phải trả cho các bộ phận theo bảng phân bổ lương tháng 12, số 12/0X:

➤ BPQLDN: 60.000

➤ BPBH: 70.000

➤ Tiền chi thù lao hội họp cho các thành viên thuộc hội đồng quản trị: 13 người x 2.000/ người.

55- Trích lập các khoản phải trả theo lương theo quy định theo bảng phân bổ lương tháng 12, số 12/0X.

56- Tính khấu hao TSCĐ cho các bộ phận theo bảng phân bổ khấu hao tháng 12, số 12/0X:

- BPQLDN: 10.000 (trong đó, khấu hao tài sản cố định không có chứng từ đầu vào hợp pháp là 4.000).
- BPBH: 5.000

57- Thực hiện bút toán khấu trừ thuế GTGT đầu vào với đầu ra phát sinh trong kỳ.

58- Xuất quỹ tiền mặt tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của quý IV/200X, PC 885.

Yêu cầu:

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên
2. Lập bảng cân đối kế toán
3. Lập báo cáo kết quả kinh doanh
4. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp